

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/5/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Trung Kiên

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Quàng Văn B; sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Q Văn Bản chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến ngày 23/6/2010 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B nghiện chất ma túy và sau đó có bị đi cai nghiện và đi chấp hành án hình phạt tù 02 lần. Sau khi

ra từ anh B chứng nào tật ấy không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập tôi. Chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành vì vậy chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy chị đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Quảng Văn B.

2. Về con chung: Chị và anh B có 04 con chung là Quảng Thị Đ sinh ngày 24/9/2005, Quảng Thị X sinh ngày 06/8/2009, Quảng Thị H sinh ngày 07/9/2013, Quảng Thị Đ1 sinh ngày 22/02/2016. Cháu Đ đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nuôi các cháu Quảng Thị X, Quảng Thị H và Quảng Thị Đ1 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Lò Thị T, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 79/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, Tòa án đã gửi qua đường bưu điện và xuống tổng đạt trực tiếp cho anh Q Văn Bản tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh B không có mặt ở nhà, anh B không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Trưởng bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nơi anh B cư trú thì trưởng bản Huổi M cho biết anh B đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nhưng hiện nay anh B đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh B đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại bản Huổi Moi, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và UBND xã P, huyện Đ; Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này anh B cũng không có ý kiến phản hồi. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh B vắng mặt không có lý do, vì vậy chị T đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại phiên tòa anh B vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 02/5/2024. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ qua bưu điện; Thông báo

về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị T giao n cho Tòa án đã được trưởng bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và UBND xã P, huyện Đ xác nhận ngày 11/3/2024 thì chị T và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến ngày 23/6/2010 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B nghiện chất ma túy và sau đó có bị đi cai nghiện và đi chấp hành án hình phạt tù 02 lần. Sau khi ra tù anh B chứng nào tật ấy không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập chị T nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh chị có 04 con chung là Quàng Thị Đ sinh ngày 24/9/2005, Quàng Thị X sinh ngày 06/8/2009, Quàng Thị H sinh ngày 07/9/2013, Quàng Thị Đ1 sinh ngày 22/02/2016. Hiện chị T đang lao động tự do, anh B không có công việc làm gì.

Tại bản tự khai của cháu H, cháu X và cháu Đ1: Các cháu xin được ở với mẹ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27/12/2023 chị Lò Thị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Quàng Văn B có địa chỉ tại Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị T là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn nộp tiền án phí, ngày 04/01/2024 Tòa án ra Thông báo về việc chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho chị T và ra Thông báo về việc thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Quàng Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/BLTTDS, việc anh B không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh B đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn chị Lò Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Cho nên căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung.**

**[2.1] Xét về hôn nhân:** Chị Lò Thị T và anh Quảng Văn B chung sống như vợ chồng từ năm 2005 đến ngày 23/6/2010 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh B đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và đã có 04 con chung. Theo chị T cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh B nghiện chất ma túy và bị Công an bắt sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy với mức án 24 tháng tù theo bản án số 49/2016/HSST ngày 19/12/2016. Sau khi chấp hành án xong đến tháng 5/2021 anh B tiếp tục bị Công an bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy với mức án 02 năm 06 tháng tù theo bản án số 221/2021/HS-ST ngày 26/7/2021. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, nay chị T xin được ly hôn với anh B. Tòa án đã thông báo cho anh B được biết, nhưng anh B không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập anh B nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa đã tiến hành mọi thủ tục nghiêm ngặt theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh B vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị T khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Quảng Văn B.

**[2.2] Xét về con chung:** Chị Lò Thị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là cháu Quảng Thị X

sinh ngày 06/8/2009, cháu Quàng Thị H sinh ngày 07/9/2013, cháu Quàng Thị Đ1 sinh ngày 22/02/2016. Còn cháu Quàng Thị Đ sinh ngày 24/9/2005 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy tại trong quá trình giải quyết, xét xử anh B vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Trong suốt thời gian sống ly thân các cháu X, H và Đ1 ở với mẹ, tại bản tự khai của các cháu X, H và Đ1 xin được ở với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển của trẻ HĐXX thấy rằng hiện tại chị T mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị T. HĐXX giao các con chung Quàng Thị X, Quàng Thị H và Quàng Thị Đ1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh B có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.4] Xét về quan hệ tài sản:** Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

**[3] Về nghĩa vụ chịu án phí:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị T là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đơn xin miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí DSST cho chị T.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Quàng Văn B.

**2. Về con chung:** Giao các con chung là cháu Quàng Thị X sinh ngày 06/8/2009, cháu Quàng Thị H sinh ngày 07/9/2013, cháu Quàng Thị Đ1 sinh ngày 22/02/2016 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về quan hệ tài sản:** Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Lò Thị T được miễn toàn bộ án phí DSST.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Lò Thị T và anh Quàng Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã Pa Thom, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yên**







